

Số: 343 /BC-UBND

Cà Mau, ngày 13 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của tỉnh Cà Mau

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Tổ chức chỉ đạo, điều hành

Hàng tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành kinh tế - xã hội và công tác cải cách hành chính, với sự tham dự của đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức đoàn thể, ... Đặc biệt, ngày 12/10/2020, tỉnh đã tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020; thảo luận giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030. Bên cạnh đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh mang lại nhiều hiệu quả thiết thực¹.

Nhằm tạo bước phát triển đột phá trong thực hiện cải cách hành chính của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định thực hiện thí điểm việc giao cho Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với 37 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường, 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh; 10 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực xây dựng. Các đơn vị cấp huyện được chọn thực hiện thí điểm gồm: Huyện Cái Nước, Thới Bình và thành phố Cà Mau. Trong đó, huyện Thới Bình và Cái Nước là 02 đơn vị có địa giới hành chính giáp ranh với thành phố Cà Mau (nơi đặt trụ sở làm việc của Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh), việc thực hiện thí điểm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

¹ Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh Cà Mau; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 ban hành Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau; Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 phê duyệt Phương án điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau; Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 16/04/2020 phê duyệt Phương án rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu thủ tục hành chính năm 2020 và làm cơ sở triển khai cho những năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 17/01/2020 về việc tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 20/3/2020 về việc kiểm tra cải cách hành chính và thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân giao năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 05/08/2020 về tổ chức hội nghị nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ...

Bên cạnh đó, trên cơ sở kết quả công bố các chỉ số có liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2019 của tỉnh như: Chỉ số năng lực cạnh tranh xếp hạng 45 (tăng 04 bậc so với năm 2018); Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh xếp hạng 49 (tăng 03 bậc so với năm 2018); Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp xếp hạng 03 (tăng 05 bậc so với năm 2018), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch cải thiện các chỉ số nêu trên, trong đó nêu rõ những mặt tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cải thiện vị trí xếp hạng của các chỉ số trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện được 25/29 nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra, tỷ lệ 86,21%, còn lại 04 nhiệm vụ còn trong thời hạn thực hiện (*Phụ lục 1 kèm theo*).

2. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, bên cạnh việc kiểm tra định kỳ, Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh đã tăng cường kiểm tra đột xuất với hình thức: Thành viên đoàn kiểm tra đóng vai người dân đến làm thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, cùng người dân đi thực hiện thủ tục hành chính... Kết quả, Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh đã tiến hành kiểm tra định kỳ 04 đơn vị (02 đơn vị cấp tỉnh, 02 đơn vị cấp huyện²); kiểm tra đột xuất 17 đơn vị cấp xã³, đạt 175% Kế hoạch.

Qua kiểm tra cho thấy, lãnh đạo đa số các cơ quan, đơn vị có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên đối với công tác cải cách hành chính; hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số mặt tồn tại, hạn chế như: Diện tích một số Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả bố trí chưa phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; vẫn còn trường hợp giải quyết hồ sơ trễ hạn; niềm yết số điện thoại đường dây nóng chưa đúng quy định; thái độ giao tiếp một số công chức chưa thật sự hòa nhã, thân thiện với người dân; vẫn còn tình trạng bố trí công chức chưa đúng Đề án vị trí việc làm được phê duyệt; hồ sơ trực tuyến, hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích thấp; việc sử dụng chữ ký số còn hạn chế...

3. Công tác tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức thích hợp như:

Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; treo băng rôn; tọa đàm, hội thảo và sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật đối với các nội dung về công tác cải cách hành chính; qua các cuộc họp giao ban...

² Các đơn vị kiểm tra định kỳ: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện: Ngọc Hiển, U Minh.

³ Các đơn vị kiểm tra đột xuất: phường Tân Thành; các xã: Hòa Thành, Hòa Tân, Tắc Vân, Hồ Thị Kỳ, Tân Lộc Đông, Tân Lộc Bắc, Tân Lộc, Nguyễn Phích, Khánh An, Thạnh Phú, Tân Hưng, Tân Hưng Đông, Tân Trung, Tạ An Khương, Tạ An Khương Nam và thị trấn Đầm Dơi.

Kết quả, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã phát sóng 326 đề tài⁴; Báo Cà Mau, Báo ảnh Đất Mũi thực hiện 42 kỳ về cải cách hành chính; Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến bằng các hình ảnh trực quan tại Trung tâm và phát hành Tờ tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp; các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử, Đài Phát thanh của huyện, thành phố... Bên cạnh đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 07 kỳ phát sóng diễn đàn “Dân hỏi - Lãnh đạo cơ quan Nhà nước trả lời” với nhiều chủ đề mang tính thời sự, thiết thực trong đời sống⁵, tổng thời lượng phát sóng là 5 giờ 25 phút.

Chương trình được thực hiện bằng hình thức sử dụng hộp thư điện tử, các cuộc gọi trực tiếp vào chương trình và trên Fanpage Thời sự Cà Mau để nhận các câu hỏi, tương tác với người dân theo dõi chương trình, với thời lượng mỗi kỳ là 45 phút. Kết quả, mỗi kỳ phát sóng chương trình nhận được trung bình từ 20 - 25 câu hỏi (qua email, điện thoại, mạng xã hội...). Với những câu hỏi phù hợp với chủ đề chương trình trả lời trực tiếp, những câu hỏi chưa trả lời được sẽ phản hồi sau. Việc thực hiện chương trình trong thời gian qua đã có những hiệu ứng tích cực và nhận được sự quan tâm của khán giả, qua 07 kỳ phát sóng có hơn 91.000 lượt theo dõi. Thông qua chương trình nhằm lắng nghe, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người dân; từ đó, giúp cơ quan nhà nước đưa ra được những cách làm hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực được giao phụ trách.

Bên cạnh đó, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến bằng các hình ảnh trực quan tại Trung tâm và phát hành Tờ tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho người dân, doanh nghiệp; tổ chức quán triệt và tuyên truyền khẩu hiệu “4 xin, 4 luôn” trong giao tiếp với người dân: **“Xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ”** tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã để mỗi cán bộ, công chức, viên chức tự nhận thức và có cách ứng xử đúng mực đối với tổ chức, cá nhân đến giao dịch thủ tục hành chính.

Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện đạt trên 95% Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

⁴ Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC; ý thức đảng viên - nhân tố thành công trong CCHC; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác CCHC: Giải quyết đúng hạn và trước hạn TTHC; Tiện ích khi thực hiện liên thông tại thị trấn Sông Đốc; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC: Dấu hiệu lạc quan cho doanh nghiệp; Công dịch vụ công quốc gia chính thức đi vào hoạt động; Tiện ích từ Công dịch vụ công quốc gia; Công Dịch vụ công quốc gia - trụ cột của nền hành chính phục vụ; Công dịch vụ công quốc gia giải pháp phòng, chống tham nhũng vặt; thống nhất đầu mối trong CCHC; hiệu quả CCHC trong lĩnh vực xây dựng; thực trạng quản lý trật tự xây dựng...

⁵ Đảm bảo trật tự an toàn giao thông; cải thiện môi trường đầu tư và thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Cà Mau; quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng đô thị; công tác quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường; chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao, gắn với liên kết chuỗi giá trị; chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài; chính sách về điện phục vụ phát triển sản xuất, sinh hoạt ở vùng nông thôn.

1. Cải cách thể chế

Để tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 31/12/2019 về công tác xây dựng, ban hành, tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Đồng thời, ban hành nhiều văn bản đôn đốc, nhắc nhở các sở, ban, ngành tỉnh nâng cao trách nhiệm, chất lượng tham mưu, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 24/54 văn bản quy phạm pháp luật, tỷ lệ 44,44%⁶; còn 30 văn bản phải ban hành trong những tháng cuối năm 2020 (*danh sách cụ thể được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo*). Thực hiện tự kiểm tra 23 văn bản, tất cả đều phù hợp; tiến hành rà soát 07 chuyên đề, kết quả có 04 văn bản không phù hợp (do văn bản nguồn thay đổi). Đồng thời, quyết định công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần định kỳ năm 2019 đối với 70 văn bản, trong đó: Hết hiệu lực toàn bộ 62 văn bản (08 nghị quyết, 52 quyết định, 02 chỉ thị), hết hiệu lực một phần 08 quyết định.

2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.1. Cải cách thủ tục hành chính

a) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 131 quyết định công bố 767 thủ tục hành chính⁷. Tất cả thủ tục mới ban hành khi công bố đều được cắt giảm ít nhất 20% thời gian giải quyết so với quy định. Đến nay, số thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp là 1.963 thủ tục, trong đó: Cấp tỉnh là 1.537 thủ tục, cấp huyện là 296 thủ tục và cấp xã là 130 thủ tục.

Để góp phần cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến doanh nghiệp. Kết quả, có trên 900 thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, trong đó có 678 thủ tục hành chính đã được giảm thời gian giải quyết (tỷ lệ thời gian cắt giảm từ 20% đến 83%).

Công tác đối thoại với người dân, doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục quan tâm, thực hiện. Cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp mặt doanh nhân đầu năm để thông tin đến doanh nhân một số chính sách mới hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, với sự tham gia của 150 doanh nhân; nhân ngày kỷ niệm 16 năm ngày doanh nhân Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp mặt kết nối doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, với hơn 300 doanh nhân tham gia; có 08 cơ quan,

⁶ Số liệu này tính đến ngày 06/11/2020.

⁷ 471 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, 143 thủ tục hành chính mới ban hành, 153 thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ.

đơn vị tổ chức đối thoại với người dân, doanh nghiệp⁸, có 136 ý kiến được đặt ra tại buổi đối thoại, tất cả các ý kiến đã được trả lời tại buổi đối thoại. Đồng thời, tiếp nhận 36 phản ánh, kiến nghị thông qua đơn thư, số điện thoại đường dây nóng, báo chí, email và Cổng Dịch vụ công quốc gia; kết quả, đã xử lý 34 phản ánh, kiến nghị theo quy định, 02 phản ánh, kiến nghị còn trong thời hạn xử lý.

b) Công khai thủ tục hành chính

Tất cả thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp trên địa bàn tỉnh được cập nhật, đăng tải kịp thời, đúng quy định trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Đồng thời, từng cơ quan, đơn vị thực hiện việc niêm yết công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử (đối với các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện); niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (riêng đối với các đơn vị cấp tỉnh thì niêm yết tại Trung tâm giải quyết thủ tục hành chính tỉnh). Qua kiểm tra cho thấy, các đơn vị thực hiện việc công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử và Bộ phận Một cửa đảm bảo theo quy định.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 05/06/2020; Quyết định số 1068/QĐ-UBND ngày 16/06/2020; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/07/2020 giao cho Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả đối với 52 thủ tục trong các lĩnh vực: Đất đai, môi trường, đăng ký bảo đảm, xây dựng, đăng ký kinh doanh của 03 đơn vị cấp huyện gồm: Huyện Cái Nước, huyện Thới Bình, thành phố Cà Mau; theo đó, người dân có thể lựa chọn địa điểm nộp hồ sơ đối với các thủ tục nêu trên (tại Bộ phận Một cửa của huyện hoặc tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh). Kết quả, từ khi triển khai thực hiện đến nay, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 865 hồ sơ; trong đó: 70 hồ sơ thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh; 795 hồ sơ thuộc lĩnh vực đất đai. Đồng thời, quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình liên thông đối với 50 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của 09 đơn vị⁹.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện kết nối Hệ thống phần mềm đăng ký kinh doanh và quản lý cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh với Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; triển khai thực hiện Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa thủ tục của một số cơ quan

⁸ Thành phố Cà Mau và các huyện: Phú Tân, Ngọc Hiển, U Minh, Thới Bình, Năm Căn, Đầm Dơi; Trần Văn Thời.

⁹ Gồm Ban Quản lý Khu kinh tế và các Sở: Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Y tế.

ngành dọc về thực hiện tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, kết quả:

- Cấp xã: Có 9/9 huyện, thành phố đã hoàn thành việc đưa thủ tục hành chính lĩnh vực quân sự về thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

- Cấp huyện: Có 8/9 huyện, thành phố hoàn thành việc đưa thủ tục hành chính lĩnh vực bảo hiểm xã hội và công an về thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. Riêng thành phố Cà Mau, lĩnh vực Bảo hiểm xã hội thành phố Cà Mau đã sáp nhập với Bảo hiểm xã hội tỉnh Cà Mau kể từ ngày 01/01/2020 nên đưa về thực hiện tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Cấp tỉnh: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã thực hiện tiếp nhận: 07 thủ tục hành chính lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định và thực hiện tiếp nhận thêm 19 thủ tục; 04 thủ tục hành chính lĩnh vực công an theo quy định và thực hiện tiếp nhận thêm 08 thủ tục nhằm tạo sự tập trung, thống nhất trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

Bên cạnh đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương cho Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính thực hiện thủ tục hành chính chính hện giờ. Theo đó, người dân có thể hện thời gian đến Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính để giao dịch thủ tục hành chính, không phải ngồi đợi lâu, góp phần kéo giãn số lượng người dân đến yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính mỗi ngày. Kết quả, có gần 2.500 lượt cá nhân, tổ chức được hện giờ để giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, ban hành Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 04/09/2020, Quyết định 1778/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 công bố thực hiện toàn bộ quy trình tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đối với 04 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, 09 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh. Kết quả, từ khi triển khai thực hiện đến nay, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính đã giải quyết 1.464 hồ sơ.

Việc ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục phát huy hiệu quả. Từ đầu năm đến nay, có trên 30.000 lượt người quan tâm; 390 lượt người trao đổi, hỏi đáp về thủ tục hành chính; 1.744 lượt người tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua ứng dụng Zalo.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chủ tịch UBND tỉnh, việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân đạt kết quả như sau (số liệu do Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính cập nhật trên phần mềm Một cửa điện tử):

TT	Đơn vị	Số hồ sơ tiếp nhận (cả hồ sơ tồn chuyển sang)	Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ còn trong hạn giải quyết	Số hồ sơ đã trả kết quả				
					Tổng số	Hồ sơ trả kết quả đúng hạn	Tỷ lệ	Hồ sơ trả kết quả trễ hạn	Tỷ lệ
1	Cấp tỉnh	252.156	142.227	3.826	248.330	248.291	99,98%	39	0,02%
2	Cấp huyện	88.920	14.693	3.529	85.391	84.962	99,95%	429	0,5%
3	Cấp xã	181.832	386	542	181.290	180.486	99,56%	804	0,44%

(Kết quả cụ thể của từng đơn vị được nêu tại Phụ lục 3 kèm theo.)

Với kết quả nêu trên, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các đơn vị như sau: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính có 32.144 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 99,7%; thành phố Cà Mau có 6.024 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 99,8%; huyện Cái Nước có 1.842 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 98,61%; huyện Năm Căn có 1.330 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 98,52%; huyện Phú Tân có 2.639 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 99,32%, huyện Đầm Dơi có 15.565 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 98,73%; huyện Thới Bình có 8.878 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 99,7%, huyện U Minh có 1.536 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 99,61%, huyện Trần Văn Thời có 3.102 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 98,51%, huyện Ngọc Hiển có 287 lượt người đánh giá, mức độ hài lòng 99,65%.

Bên cạnh đó, để tạo kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính, đến nay, tỉnh đã triển khai thực hiện thí điểm việc tổ chức Bộ phận Một cửa tại trụ sở làm việc của Bru điện đối với 01 đơn vị cấp huyện và 05 đơn vị cấp xã gồm: Bộ phận Một cửa của huyện U Minh; Bộ phận Một cửa của các xã: Hòa Mỹ, Phú Hưng, Tân Hưng và Tân Hưng Đông thuộc huyện Cái Nước; Bộ phận Một cửa của xã Tân Trung thuộc huyện Đầm Dơi. Tại Bộ phận Một cửa của các đơn vị còn lại, Bru điện đều có bố trí nhân viên trực để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Việc kiện toàn tổ chức bộ máy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị¹⁰, sáp nhập 25 đơn vị thành 12 đơn vị¹¹, giải thể 09 đơn vị¹², tổ chức lại 15 đơn

¹⁰ Trung tâm Y tế dự phòng; Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS; Trung tâm Phòng, chống các bệnh xã hội.

¹¹ Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Trung tâm Y tế các huyện: Trần Văn Thời, Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn; Đài Truyền thanh và Trung tâm Văn hóa – Thể thao các huyện: Năm Căn, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển; Đài Truyền thanh – Truyền hình, Trung tâm Văn hóa – Du lịch và Trung tâm Thể dục thể thao thành phố Cà Mau thành Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao trực thuộc Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố Cà Mau; Ban Quản lý chợ và Ban điều hành Bến xe tàu huyện U Minh thành Ban Quản lý chợ và Trật tự đô thị huyện U Minh; Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thành Chi cục Nông

vị¹³. Qua sắp xếp, tỉnh đã giảm 18 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2019 (năm 2019 có 661 đơn vị, năm 2020 có 624 đơn vị¹⁴), tỷ lệ giảm đạt 2,7% so với năm 2019, vượt Kế hoạch đề ra. Nhìn chung, các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh cơ bản đã được sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Biên chế công chức và số lượng người làm việc: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao 2.054 biên chế công chức, giảm 45 biên chế so với năm 2019; giao 20.715 số lượng người làm việc, giảm 482 người so với năm 2019. Số lượng công chức hiện có là 1.856 người; viên chức hiện có là 18.900 người.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Thực hiện xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt lại Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức đối với 18 cơ quan, đơn vị¹⁵; Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đối với 22 cơ quan, đơn vị¹⁶, trên cơ sở thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới và hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

nghiệp; BQL RPH Nhung Miên và BQL RPH Đất Mũi thành BQL RPH Đất Mũi; BQL RPH Năm Căn và BQL RPH Sào Lưới thành BQL RPH Biển Tây.

¹² Sở Ngoại vụ, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản; Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chi nhánh Trợ giúp pháp lý: Số 1 đặt tại huyện Năm Căn, số 2 đặt tại huyện Trần Văn Thời, số 3 đặt tại huyện Cái Nước, số 4 đặt tại huyện Thới Bình, số 5 đặt tại huyện Đầm Dơi; Ban Quản lý Giao thông thủy bộ và Đô thị huyện Phú Tân.

¹³ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, từ 09 phòng 01 chi cục còn 08 phòng; Ban Dân tộc từ 05 phòng còn 03 phòng; Văn phòng Đăng ký đất đai từ 04 phòng còn 03 phòng; Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường từ 06 phòng còn 05 phòng; Trung tâm Phân tích kiểm nghiệm từ 04 phòng còn 03 phòng; Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (nhận nhiệm vụ an toàn vệ sinh thực phẩm từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh từ 03 phòng còn 01 phòng và 03 khoa; Ban Quản lý dự án công trình xây dựng từ 06 phòng còn 05 phòng; một số đơn vị sau khi tổ chức lại thực hiện chế độ chuyên viên như: Trung tâm Pháp y, giảm 02 phòng; Trung tâm Giám định y khoa, giảm 02 phòng; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc Mỹ phẩm – Thực phẩm, giảm 04 phòng; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, giảm 03 phòng; Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ, giảm 05 phòng; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đầm Dơi giảm 02 phòng; kiện toàn tổ chức bộ máy ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm: 01 phòng chuyên môn thuộc sở và 71 phòng, trạm, tiểu khu thuộc đơn vị trực thuộc sở; Ban Quản lý các dự án xây dựng công trình huyện Thới Bình, từ 02 phòng sang làm việc theo chế độ chuyên viên.

¹⁴ Chưa tính 101 trạm y tế xã, phường, thị trấn.

¹⁵ Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; Sở Giao thông vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Văn phòng UBND tỉnh; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc; các huyện: Cái Nước, Phú Tân, Đầm Dơi, Thới Bình, U Minh, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển, Năm Căn, thành phố Cà Mau.

¹⁶ Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau; Cổng thông tin điện tử trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin; Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Đầm Dơi; Ban QLDA đầu tư và xây dựng huyện Đầm Dơi; Trung tâm Dịch vụ Tài chính công; Trung tâm lưu trữ lịch sử; Vườn Quốc gia U Minh Hạ; Thư viện tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Trung tâm Huấn luyện, đào tạo và Thi đấu thể dục thể thao; Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau; Văn phòng Đăng ký đất đai; Trung tâm Công nghệ - Quan Trắc – Tài nguyên và Môi trường; Cơ sở Cai nghiện ma túy; Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ; Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm; Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Pháp y.

- Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định bổ nhiệm 18 trường hợp; điều động, bổ nhiệm 04 trường hợp; điều động, giới thiệu bầu 01 trường hợp; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian bổ nhiệm 05 trường hợp; thông báo nghỉ hưu 10 trường hợp; nghỉ hưu 07 trường hợp; không bổ nhiệm lại 01 trường hợp; điều động 01 trường hợp; cho thôi việc 01 trường hợp là lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương.

Đồng thời, tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức hành chính năm 2019. Kết quả, có 17/44 thí sinh trúng tuyển từ ngạch cán sự lên chuyên viên và tương đương; 29/59 thí sinh trúng tuyển từ ngạch chuyên viên và tương đương lên ngạch chuyên viên chính và tương đương; tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II lên hạng I; THPT hạng III lên hạng II, với tổng số lượng đăng ký 735 hồ sơ (*THCS hạng I: 07; THPT hạng II: 728*); bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch thanh tra viên chính 19 trường hợp; bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên chính 28 trường hợp.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: để thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đào tạo, khuyến khích đào tạo sau đại học năm 2020; Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020. Kết quả, đã thực hiện đào tạo, bồi dưỡng 4.490/7.857 lượt¹⁷ (đạt 57,15% so với Kế hoạch đề ra).

Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đạt chuẩn theo quy định chiếm tỷ lệ 99,69%; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở đạt chuẩn theo quy định chiếm 100%; lãnh đạo cấp phòng đạt chuẩn theo quy định chiếm 99,99%; cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chiếm 99,54%; công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chiếm 100%.

5. Cải cách tài chính công

Việc triển khai thực hiện Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tạm thời việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Cà Mau tiếp tục phát huy hiệu quả tích cực, góp phần giảm chi phí, diện tích xây dựng nơi quản lý xe tại các cơ quan, đơn vị; trong năm 2020, số lượt sử dụng xe tại Trung tâm Dịch vụ tài chính công là 5.533 lượt.

Thực hiện Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần cấp nước Cà Mau đối với: công trình cấp nước tại khóm 4, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển;

¹⁷ Cử đi đào tạo sau đại học 10 công chức, viên chức; mở 07 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước, với 659 công chức, viên chức; tổ chức 49 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức và kỹ năng lãnh đạo quản lý cho đối tượng là lãnh đạo cấp phòng, với 3.821 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia.

Công ty Cổ phần Chế biến và Dịch vụ thủy sản Cà Mau và Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau; Hộ kinh doanh Võ Thị Ánh; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt phương án sắp xếp nhà, đất đối với 506 cơ sở nhà, đất. Đồng thời, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê đối với 16 đơn vị theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị đều quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đúng theo quy định; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, tăng nguồn thu để bổ sung vào kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Đồng thời, đôn đốc các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước; điều chỉnh, thu hồi, cắt giảm dự toán đối với các khoản kinh phí dôi dư sau khi thực hiện nhiệm vụ hoặc dự kiến không thực hiện trước 30/6/2020 và 15/11/2020 phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ để bố trí cho các nhiệm vụ chi cấp bách, bức thiết khác.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

Để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 21/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tỉnh tiếp tục tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện Chính quyền điện tử nhằm nâng cao năng lực quản lý, hiệu quả điều hành trong hoạt động của cơ quan nhà nước hướng đến phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3, 4; phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; triển khai Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho người dân và doanh nghiệp... Trong năm, tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đạt một số kết quả sau:

- Việc kết nối Cổng Dịch vụ công Quốc gia: nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát, chuẩn hóa thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo sở, ngành tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp theo cơ cấu được quy định trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia là 200 thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ. Kết quả, Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã đáp ứng 04 tiêu chí kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia gồm: Tích hợp các thủ tục tổ chức, cá nhân được phép nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; đăng nhập một lần; đồng bộ hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; bố trí máy chủ

bảo mật. Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã tích hợp được 200 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về chứng thực, Chủ tịch đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan tạo tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử; đến nay, tỉnh đã thực hiện tạo có 457/550 tài khoản, đạt 86.36% so với số tài khoản phải tạo; tổ chức tập huấn

Thực hiện Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ về Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4 năm 2020; Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước”, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đã triển khai xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh theo quy định, đến nay bước đầu đã triển khai thực hiện đối với báo cáo tuần về kinh tế xã hội và báo cáo tháng về công tác cải cách hành chính; đang trong quá trình thực hiện báo cáo thử nghiệm để đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ theo quy định. Đồng thời, để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 19/08/2020 phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết Dự án phòng họp không giấy tờ.

- Kết quả sử dụng phần mềm VIC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đạt kết quả như sau:

TT	Đơn vị	Tỉ lệ % xử lý văn bản đến trên VIC	Tỉ lệ % xử lý văn bản đi trên VIC	Tỉ lệ % CB, CC sử dụng VIC thường xuyên
1	Cấp tỉnh	100	100	100
2	Cấp huyện	100	100	99

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ với tổng số 137 thủ tục. Ngoài ra, triển khai thực hiện thí điểm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với 457 thủ tục hành chính ngoài Danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả, có 157.306 hồ sơ nộp trực tuyến (năm 2019 là có 20.703 hồ sơ), trong đó: Cấp tỉnh 142.227 hồ sơ, tỷ lệ 56,41%; cấp huyện 14.693 hồ sơ, tỷ lệ 16,52%; cấp xã 386 hồ sơ, tỷ lệ 0,21%.

- Dịch vụ bưu chính công ích: Toàn tỉnh hiện có trên 1.589 thủ tục hành chính được công bố thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích. Kết quả, số hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích là 81.139 hồ sơ (năm 2019 là 45.213 hồ sơ), số

hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 54.299 hồ sơ (năm 2019 là 52.907 hồ sơ).

- Việc sử dụng chữ ký số: Đã cấp 1.012 chữ ký số (cấp cho tổ chức là 260 chữ ký; cá nhân là 752 chữ ký). Qua theo dõi, kiểm tra, chỉ có 484 chữ ký số được sử dụng thường xuyên, tỷ lệ 47,83%.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Tỉnh đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (ISO điện tử) cho 121 đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và tập huấn cho 20 đơn vị chuyển đổi từ phiên bản TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

- Có 06 chỉ tiêu trong Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2020 được thực hiện vượt Kế hoạch đề ra (*số liệu cụ thể theo Phụ lục 4 kèm theo*).

- Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh có sự quan tâm, chỉ đạo kỳ quyết đối với công tác này trên tất cả các lĩnh vực.

- Công tác xây dựng, thực hiện và rà soát văn bản quy phạm pháp luật được đổi mới và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, qua đó hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành dần được hoàn thiện và có tính khả thi cao; điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội ngày càng toàn diện hơn.

- Đa số các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thành phố kịp thời xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch về cải cách hành chính; quan tâm, chỉ đạo cải thiện Chỉ số Cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị; hoàn thành đúng tiến độ các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh phân công, qua đó góp phần hoàn thành tốt Kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của tỉnh (tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã hoàn thành 25/30 nhiệm vụ theo Kế hoạch đề ra, các nhiệm vụ còn lại còn trong thời hạn thực hiện).

- Tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được nâng lên; được cá nhân, tổ chức đến giao dịch đánh giá mức độ hài lòng rất cao, trên 98%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn và trước hạn cao, trên 99%; thực hiện tốt việc xin lỗi tổ chức, cá nhân khi xảy ra tình trạng giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn.

- Việc sắp xếp, tinh gọn các đơn vị của tỉnh được đẩy mạnh, cụ thể, sau khi thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy đã giảm 24 đơn vị trực thuộc sở, ngành và tương đương; 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở, ngành tỉnh và tương đương; 94 đơn vị cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành tỉnh và tương đương.

2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khó khăn

- Còn 03 mục tiêu thực hiện không đạt hoặc dự kiến thực hiện không đạt theo Kế hoạch đề ra (*Phụ lục 4 kèm theo*).

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính có lúc chưa quyết liệt, thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở; công tác thông tin, báo cáo chưa kịp thời, chất lượng còn hạn chế.

- Chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của một số đơn vị chưa cao; tiến độ tham mưu còn chậm so với quy định; một số văn bản phải sửa đổi, bổ sung trong thời gian ngắn.

- Vẫn còn trường hợp giải quyết hồ sơ của cá nhân, tổ chức bị trễ hạn; việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử tại một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế (nhất là cấp xã); vẫn còn trường hợp công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa chưa thật sự hòa nhã, thân thiện trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức trình độ chuyên môn không phù hợp hoặc chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao; tinh thần, trách nhiệm đối với công việc chưa cao; công tác đào tạo cán bộ, công chức còn chạy theo số lượng, chất lượng mà chưa chú trọng hiệu quả.

- Vẫn còn trường hợp bố trí công chức, viên chức chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt; việc tinh giản biên chế còn chậm so với kế hoạch đề ra.

- Công tác nhận xét, đánh giá đối với cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn trường hợp nể nang, hình thức nên chưa đánh giá đúng năng lực công tác, từ đó không có cơ sở đưa ra khỏi bộ máy những người yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hạn chế về trình độ, năng lực.

- Việc sử dụng chữ ký số còn hạn chế; việc triển khai dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn chậm so với yêu cầu đề ra.

2.2. Nguyên nhân

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cấp dưới trong quá trình thực hiện công tác cải cách hành chính; chậm xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được phát hiện, chỉ đạo xử lý.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ công chức làm công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế; việc tham gia góp ý văn bản các tổ chức, cá nhân có liên quan chưa được quan tâm đúng mức... nên một số văn bản quy phạm pháp luật chất lượng còn hạn chế.

- Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị chưa mạnh dạn trong việc sắp xếp, bố trí, xử lý những trường hợp công chức, viên chức không phù hợp với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt;

- Công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa chưa thật sự xem người dân là đối tượng để phục vụ, từ đó dẫn đến thái độ giao tiếp của một số

công chức, viên chức thiếu thân thiện, hướng dân không nhiệt tình khi người dân đến liên hệ làm thủ tục.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt hiệu quả chưa cao; người dân chưa quen sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại, nên chưa thật sự hiểu và yên tâm thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG NĂM 2021

1. Ban hành kịp thời, chất lượng các kế hoạch về cải cách hành chính năm 2020; triển khai thực hiện có chất lượng các văn bản, chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính.

2. Đổi mới quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và khả thi. Đồng thời, tiến hành rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nhằm kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ những văn bản chồng chéo, không phù hợp.

3. Tiếp tục rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt là cấp huyện, cấp xã. Trong đó, cần quan tâm, cải thiện tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa.

5. Thực hiện việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật. Đồng thời, bố trí công chức, viên chức đúng theo Đề án vị trí, việc làm được phê duyệt; thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

6. Tập trung hoàn thành việc cổ phần hóa các đơn vị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục rà soát, trình phê duyệt cổ phần hóa đối với những đơn vị đáp ứng yêu cầu. Đồng thời, tiếp tục quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công; tăng mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi trực tiếp ngân sách cho các đơn vị này.

7. Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử tiến đến một chính quyền nhanh, gọn, tiện lợi, chống tham nhũng và minh bạch hóa cho dân; thực hiện có hiệu quả Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Chính phủ.

8. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở và mạnh dạn, kiên quyết xử lý kịp thời những sai phạm của cá nhân, tổ chức trong thực hiện công tác cải cách

hành chính; gắn kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính với việc xem xét, đánh giá, sử dụng và bố trí cán bộ, công chức, viên chức.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 của tỉnh Cà Mau./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Phòng CCHC(T);
- Lưu: VT, Lai(BC03).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử



Phụ lục 1

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CHƯA HOÀN THÀNH THEO KẾ HOẠCH

(Kèm theo Báo cáo số 343/BC-UBND ngày 13/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
1	Xây dựng và hoàn thiện bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của các cơ quan hành chính trên cơ sở danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt	Quyết định phê duyệt	Trong năm 2020	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Đợi văn bản hướng dẫn Trung ương
2	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức	Quyết định	Quý IV năm 2020	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã	Đợi văn bản hướng dẫn Trung ương
3	Đánh giá tình hình thu – chi ngân sách nhà nước năm 2020	Báo cáo kết quả thực hiện	Quý IV năm 2020	Sở Tài chính	Cục Thuế, Hải quan, UBND cấp huyện	Đang thực hiện
4	Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ tại HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện	Báo cáo kết quả thực hiện	Trong quý III năm 2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Đang thực hiện

Tổng cộng: 04 nhiệm vụ

Phụ lục 2

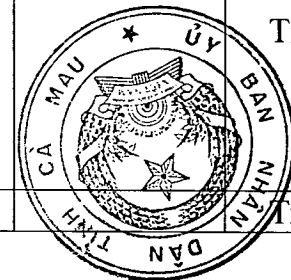


DANH MỤC NHỮNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DỰ KIẾN BAN HÀNH TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2020

(Theo Báo cáo số 343 /BC-UBND ngày 13/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian thực hiện				Số Tư pháp đã thực hiện		Trình UBND tỉnh	Ghi chú
			I	II	III	IV	Góp ý	Thẩm định		
1.	Quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Tài chính				X				
2.	Quyết định ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2021					X	Công văn số 1758/STP-XDKT&TDTHPL ngày 12/10/2020			
3.	Quyết định ban hành bảng tính giá thuế tài nguyên năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau					X	Công văn số 1912/STP-XDKT&TDTHPL ngày 02/11/2020			
4.	Quyết định ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà				X					Trễ hạn

	Mau (thay thế Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 23/11/2013)								
5.	Quyết định thay thế Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của UBND tỉnh			X			Báo cáo số 439/BC-STP 15/10/2020		
6.	Quyết định ban hành Quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau			X					
7.	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		X		Công văn số 846/STP-XDKT&TDTHPL ngày 27/05/2020	Báo cáo số 279/BC-STP 06/7/2020 Báo cáo số 393/BC-STP 17/9/2020	Tờ trình số 285/TTr-SNN 17/7/2020	
8.	Quyết định ban hành quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Cà Mau			X		Công văn số 759/STP-XDKT&TDTHPL Ngày 18/05/2020 Công văn số 1373/STP-XDKT&TDTHPL ngày 14/8/2020			Trễ hạn
9.	Quyết định quy định về		X						Trễ hạn



	công nhận làng nghề và một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Cà Mau							
10.	Quyết định thay thế Quyết định số 29/2010/QĐ-UBND quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Cà Mau			X		Công văn số 1503/STP-XDKT&TDTHPL ngày 04/09/2020	Báo cáo 410/BC-STP ngày 25/9/2020	Tờ trình số 475/TTr-SNN 29/9/2020 Tờ trình số 486/TTr-SNN 07/10/2020
11.	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				X			
12.	Quyết định ban hành quy chế quản lý Khu dự trữ sinh quyển thế giới Mũi Cà Mau			X		Công văn số 1235/STP-XDKT&TDTHPL ngày 27/7/2020	Báo cáo số 369/BC-STP ngày 01/9/2020	Tờ trình 448/TTr-SNN 11/9/2020

13.	Quyết định thay thế Quyết định 24/2014/QĐ-UBND và Quyết định 34/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh				X	Công văn số 1379/STP-XDKT&TDTHPL ngày 17/8/2020		
14.	Quyết định ban hành quy chế phối hợp trong hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp			X			
15.	Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	Văn phòng UBND tỉnh		X		Đã góp		Trễ hạn
16.	Quyết định ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của tỉnh Cà Mau (thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018)	Sở Nội vụ			X	Công văn số 1463/STP-XDKT&TDTHPL ngày 28/8/2020	Báo cáo số 443/BC-STP ngày 16/10/2020	
17.	Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Giáo dục và Đào tạo	<i>Không xác định thời gian hoàn thành</i>			Công văn số 1081/STP-XDKT&TDTHPL ngày 01/7/2020		

	sản phẩm, dịch vụ và ứng dụng công nghệ thông tin ích sử dụng vốn NSNN								
23.	Quyết định ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh Cà Mau	*Sở Thông tin và Truyền thông				X	Công văn số 1378/STP-XDKT&TDTHPL ngày 17/08/2020		
24.	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Xây dựng				X	Công văn số 1086/STP-XDKT&TDTHPL ngày 01/7/2020	Báo cáo số 467/BC-STP ngày 02/11/2020	
25.	Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	<i>Không xác định</i>						
26.	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Thanh tra tỉnh				X	Công văn số 1386/STP-XDKT&TDTHPL ngày 17/8/2020	Báo cáo số 380/BC-STP ngày 08/9/2020	Tờ trình 44/TTr-TT ngày 23/9/2020
27.	Quyết định thay thế Quyết định số 24/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của	VQG U Minh Hạ				X			



	UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VQG U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau							
28.	Quyết định quy định về quy trình xây dựng Kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình, kế hoạch đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Sở Công Thương			X	Công văn số 1117/STP-XDKT&TDTHPL 08/7/2020 Công văn số 1677/STP-XDKT&TDTHPL 01/10/2020		
29.	Quyết định ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Cà Mau		Không xác định thời gian hoàn thành			Công văn số 1570/STP-XDKT&TDTHPL ngày 17/09/2020	Báo cáo số 460/BC-STP ngày 29/10/2020	
30.	Quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng đối với hệ thống, đường tỉnh và đường huyện	Sở Giao thông vận tải	Không xác định thời gian hoàn thành					

Tổng cộng: 30 văn bản.

Phụ lục 3



GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 343 /BC-UBND ngày 13 /11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. CẤP TỈNH

TT	Đơn vị	Số hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
1	Sở Thông tin và Truyền thông	37	0	5	36	0	1
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	904	5	449	902	0	2
3	Sở Nội vụ	1,233	18	105	1,215	0	18
4	Sở Tư pháp	4,949	169	1,022	4,901	38	10
5	Sở Xây dựng	1,224	82	2	1,122	0	102
6	Sở Khoa học và Công nghệ	42	0	14	42	0	0
7	Sở Y tế	1,813	141	370	1,715	0	98
8	Văn phòng UBND tỉnh (lĩnh vực ngoại vụ)	13	2	1	13	0	0
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2,702	14	908	2,687	0	15
10	Sở Tài chính	800	41	2	723	0	77
11	Sở Công Thương	5,411	38	3,645	5,393	0	18
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,614	90	1,153	4,544	0	70
13	Sở Giao thông vận tải	13,252	902	76	12,319	0	933
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1,195	113	262	890	0	305
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	428	19	140	423	0	5
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	56,633	343	1,430	56,103	1	529
17	Ban Quản lý Khu kinh tế	54	6	0	53	0	1
18	Công an tỉnh	3,085	1	99	2,984	0	101
19	Cục Thuế tỉnh	15,915	1	14,344	15,909	0	6
20	Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau	1,925	30	1	1,894	0	31
21	Công ty Điện lực Cà Mau	380	5	0	373	0	7
22	Ban Dân tộc	2	2	0	2	0	0


23	Bảo hiểm xã hội	135,545	0	118,199	134,048	0	1,497
	Tổng	252,156	2,022	142,227	248,291	39	3,826

II. CẤP HUYỆN

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
1	Thành phố Cà Mau	27,406	1,152	3,420	26,581	80	745
2	Huyện Ngọc Hiển	2,164	61	906	2,090	9	65
3	Huyện U Minh	5,255	288	1,180	5,095	0	160
4	Huyện Đầm Dơi	12,623	416	2,500	12,171	2	450
5	Huyện Phú Tân	6,487	869	972	6,060	33	394
6	Huyện Thới Bình	10,049	378	2,768	9,596	5	448
7	Huyện Cái Nước	7,186	325	640	6,847	8	331
8	Huyện Năm Căn	5,736	591	75	5,398	63	274
9	Huyện Trần Văn Thời	12,014	1,011	2,232	11,124	229	662
	Tổng	88,920	5,091	14,693	84,962	429	3,529


III. CẤP XÃ

STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tồn chuyển sang	Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn trong hạn xử lý
I	Thành phố Cà Mau	55,146	112	11	55,037	65	44
1	Xã Hòa Thành	2,023	10	0	2,011	4	8
2	Xã Lý Văn Lâm	3,621	4	0	3,611	6	4
3	Xã Định Bình	1,492	7	0	1,485	7	0
4	Xã Hòa Tân	1,924	10	0	1,911	7	6
5	Xã Tác Vân	2,552	3	0	2,547	2	3
6	Xã An Xuyên	491	0	1	486	3	2
7	Phường Tân Thành	3,168	0	0	3,167	0	1
8	Phường Tân Xuyên	983	2	0	977	1	5

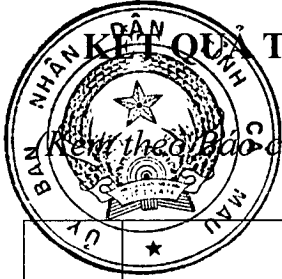
STT		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tồn chuyển sang	Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn trong hạn xử lý
9	Phường 1	2,272	9	7	2,264	1	7
10	Phường 2	4,507	0	0	4,507	0	0
11	Phường 4	893	0	0	893	0	0
12	Phường 5	21,449	11	3	21,444	2	3
13	Phường 6	4,971	10	0	4,964	5	2
14	Phường 7	791	0	0	779	11	1
15	Phường 8	2,097	8	0	2,094	2	1
16	Phường 9	860	11	0	850	9	1
17	Xã Tân Thành	1,052	27	0	1,047	5	0
II	Huyện Ngọc Hiển	8,829	137	2	8,688	118	23
1	Xã Viên An Đông	1,012	9	0	1004	8	0
2	Xã Đất Mũi	1,532	2	0	1522	1	9
3	Xã Tân Ân	442	18	0	426	11	5
4	Xã Tam Giang Tây	1,277	24	1	1253	24	0
5	Xã Tân Ân Tây	748	3	1	743	2	3
6	Xã Viên An	467	3	0	466	1	0
7	Thị trấn Rạch Gốc	3,351	78	0	3274	71	6
III	Huyện U Minh	13,750	133	63	13,613	56	81
1	Xã Khánh Thuận	5,005	14	51	5,004	0	1
2	Xã Khánh Hòa	1,251	2	2	1,224	0	27
3	Xã Khánh Tiến	391	4	0	372	5	14
4	Xã Khánh Hội	1,527	27	0	1,509	16	2
5	Xã Nguyễn Phích	704	22	0	692	3	9
6	Xã Khánh Lâm	1,850	46	9	1,814	10	26
7	Thị trấn U Minh	2,077	1	1	2,075	2	0
8	Xã Khánh An	945	17	0	923	20	2
IV	Huyện Đầm Dơi	19,025	184	89	18,702	214	109
1	Thị trấn Đầm Dơi	1,634	4	24	1,633	1	0
2	Xã Tân Thuận	1,765	18	0	1,761	4	0
3	Xã Tân Đức	1,165	18	0	1,159	0	6
4	Xã Trần Phán	1,104	37	0	1,102	0	2
5	Xã Tạ An Khương	938	18	0	922	3	13
6	Xã Tạ An Khương Nam	1,380	12	9	1,367	0	13
7	Xã Tạ An Khương Đông	927	24	0	900	17	10
8	Xã Tân Duyệt	1,601	5	0	1,599	1	1
9	Xã Quách Phẩm	921	3	6	919	0	2
10	Xã Quách Phẩm Bắc	1,706	19	2	1,645	59	2
11	Xã Tân Tiến	413	5	0	411	0	2
12	Xã Thanh Tùng	1,366	2	0	1,259	95	12



STT		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tồn chuyên sang	Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn trong hạn xử lý
13	Xã Ngọc Chánh	1,545	7	26	1,535	0	10
14	Xã Tân Trung	489	4	0	447	21	21
15	Xã Nguyễn Huân	869	4	0	843	13	13
16	Xã Tân Dân	1,202	4	22	1,200	0	2
V	Huyện Phú Tân	18,431	57	29	18,380	28	23
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	2,713	3	4	2,713	0	0
2	Xã Phú Mỹ	1,159	1	0	1,159	0	0
3	Xã Phú Tân	3,170	20	15	3,152	11	7
4	Xã Tân Hải	3,058	8	1	3,035	12	11
5	Xã Việt Thắng	1,814	21	5	1,808	3	3
6	Xã Tân Hưng Tây	2,328	1	0	2,327	0	1
7	Xã Nguyễn Việt Khải	1,723	3	0	1,720	2	1
8	Xã Phú Thuận	1,541	0	4	1,541	0	0
9	Xã Rạch Chèo	925	0	0	925	0	0
VI	Huyện Thới Bình	11,476	52	25	11,430	1	45
1	Thị trấn Thới Bình	2,037	8	0	2,035	0	2
2	Xã Biển Bạch	791	0	6	790	0	1
3	Xã Biển Bạch Đông	1,648	2	17	1,645	0	3
4	Xã Tân Bằng	407	11	0	402	0	5
5	Xã Trí Phải	611	2	0	610	0	1
6	Xã Trí Lực	585	0	0	575	0	10
7	Xã Tân Phú	1,303	8	0	1,299	0	4
8	Xã Thới Bình	1,060	10	0	1,054	0	6
9	Xã Tân Lộc	332	4	0	329	1	2
10	Xã Tân Lộc Bắc	891	1	0	890	0	1
11	Xã Tân Lộc Đông	1,367	1	0	1,367	0	0
12	Xã Hồ Thị Kỷ	444	5	2	434	0	10
VII	Huyện Cái Nước	21,178	86	125	21,090	56	32
1	Thị trấn Cái Nước	2,054	11	0	2,043	9	2
2	Xã Thạnh Phú	1,216	11	0	1,216	0	0
3	Xã Lương Thế Trân	2,384	1	21	2,375	5	4
4	Xã Phú Hưng	499	20	0	495	3	1
5	Xã Tân Hưng	2,020	0	22	2,020	0	0
6	Xã Hưng Mỹ	1,271	4	0	1,264	2	5
7	Xã Tân Hưng Đông	3,786	7	45	3,776	1	9
8	Xã Trần Thới	2,032	0	24	2,026	2	4
9	Xã Đông Thới	2,069	11	0	2,052	12	5
10	Xã Hòa Mỹ	1,303	20	1	1,280	22	1
11	Xã Đông Hưng	2,544	1	12	2,543	0	1
VIII	Huyện Năm Căn	7,539	26	2	7,484	41	14

STT		Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tồn chuyển sang	Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến	Tổng số hồ sơ xử lý đúng hạn	Tổng số hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn trong hạn xử lý
1	Thị trấn Năm Căn	2,377	2	1	2,376	1	0
2	Xã Hàm Rồng	970	11	0	931	32	7
3	Xã Đất Mới	2,072	0	0	2,071	1	0
4	Xã Hàng Vịnh	574	0	0	573	1	0
5	Xã Hiệp Tùng	28	9	0	28	0	0
6	Xã Tam Giang	364	2	0	362	2	0
7	Xã Tam Giang Đông	412	0	0	412	0	0
8	Xã Lâm Hải	742	2	1	731	4	7
IX	Huyện Trần Văn Thời	26,458	355	40	26,062	225	171
1	Thị trấn Trần Văn Thời	11,159	32	0	11,114	12	33
2	Thị trấn Sông Đốc	1,429	23	1	1,357	62	10
3	Xã Phong Lạc	749	33	1	723	0	26
4	Xã Phong Điền	793	21	0	790	1	2
5	Xã Lợi An	2,098	19	0	2,073	25	0
6	Xã Khánh Lộc	2,114	7	15	2,093	1	20
7	Xã Khánh Hải	557	26	0	505	39	13
8	Xã Khánh Hưng	269	26	0	267	0	2
9	Xã Trần Hợi	1,567	30	0	1,528	10	29
10	Xã Khánh Bình	718	13	0	714	1	3
11	Xã Khánh Bình Tây Bắc	642	6	0	633	2	7
12	Xã Khánh Bình Tây	2,129	52	22	2,119	5	5
13	Xã Khánh Bình Đông	2,234	67	1	2,146	67	21
Tổng		181,832	1,142	386	180,486	804	542

Phụ lục 4



THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020

(Theo Quyết định số 343/BC-UBND ngày 13/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Mục tiêu	Kết quả thực hiện tính đến ngày 20/10/2020	Ghi chú
1	Hoàn thành nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	100%	97,3%	Có 02 nhiệm vụ hoàn thành nhưng quá hạn
2	Giảm biên chế công chức so với năm 2019	2%	2,1%	Vượt chỉ tiêu
3	Giảm số lượng người làm việc trong đơn vị SNCL do ngân sách đảm bảo so với năm 2019	2%	2,3%	Vượt chỉ tiêu
4	Giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh so với năm 2019	Tối thiểu 2,5%	2,7%	Vượt chỉ tiêu
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ kinh phí ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên so với năm 2019	Tăng ít nhất 01 đơn vị	Tăng 04 đơn vị	Vượt chỉ tiêu
6	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ kinh phí ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên so với năm 2019	Tăng ít nhất 01 đơn vị	Tăng 02 đơn vị	Vượt chỉ tiêu
7	Thực hiện chỉ tiêu thu ngân sách năm 2020 được Chính phủ giao	Vượt chỉ tiêu được giao	91,5%	Dự kiến đạt
8	Phân đấu thu hút đầu tư so với năm 2019	Tăng ít nhất 10%	8.287,76 tỷ/ 23.698,6 tỷ	Dự kiến không đạt
9	Số doanh nghiệp thành lập mới so với năm 2019	Tăng ít nhất 10%	473/470 đơn vị	Đạt
10	Tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử	100%	83,2%	Dự kiến không đạt
11	Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	20%	20%	Đạt
12	Hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	20%	30,08%	Vượt chỉ tiêu
13	Văn bản trao đổi giữa các cơ	100%	98,5%	Dự kiến không



	Nội dung	Mục tiêu	Kết quả thực hiện tính đến ngày 20/10/2020	Ghi chú
	quan nhà nước dưới dạng văn bản điện tử (trừ văn bản mật)			đạt